TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST

Ngày 14/6/2022.

(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Hiến, ông Nguyễn Văn Tăng.

Thư ký phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2021/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* chị Trần Thị H, sinh năm 1999, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1997, tên gọi khác: không.

Trú tại: xóm M 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: tôi và anh Nguyễn Văn Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, được UBND xã G, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/7/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn M 1, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm

2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th thường xuyên chơi bời cờ bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Tôi có nhiều lần góp ý mong anh Th thay đổi nhưng đều không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn nên đến khoảng tháng 7/2021 tôi đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tôi tại thôn Ph, xã G, huyện G để sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: chúng tôi có một con chung với nhau là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu Tr A đang ở cùng với tôi. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr A và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bầy: việc tìm hiểu, kết hôn, cuộc sống chung giữa tôi và cô H đúng như những gì cô H đã trình bầy. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại thôn M 1, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi chơi bời, không tu chí làm ăn dẫn tới vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau. Đến khoảng giữa năm 2021, cô H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ph, xã G, huyện G để sinh sống và chúng tôi sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Tôi nhận thấy tuy vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, tôi không muốn gia đình tan vỡ nên tôi không đồng ý ly hôn, tôi mong Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng tôi quay về đoàn tụ với nhau. Nếu cô H vẫn kiên quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: chúng tôi có với nhau một con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu Tr A đang ở cùng với cô H. Nếu vợ chồng phải ly hôn với nhau, do cháu Nguyễn Trung H còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên tôi đồng ý giao cháu Tr A cho cô H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2

Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th; về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Trung H cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trung H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị Trần Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Th có địa chỉ tại thôn M 1, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn M 1, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của hai bên cũng như qua xác minh tại cơ sở là do anh Th thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến giữa năm 2021, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ph, xã G, huyện G để sinh sống và hai người sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Chị H khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh Th nữa. Bản thân anh Th có mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nhưng anh Th lại vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ anh Th không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Xử

cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th có một con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/9/2020. Xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Trung H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang ở cùng với chị H, được chị H chăm sóc rất tốt. Bản thân chị H có công việc ổn định và thu nhập trung bình là 7.000.000 đ(bảy triệu đồng)/tháng, còn anh Th cũng có ý kiến đồng ý để chị H tiếp tục trực tiếp nuôi con nếu phải ly hôn. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Nguyễn Trung H nên cần giao cháu Nguyễn Trung H cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trung H đủ 18 tuổi. Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh Th đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/9/2020 cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trung H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0004008, ngày 09/12/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh N;*
- *VKS huyện G;*
- *Chi cục THADS G;*
- *UBND xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*